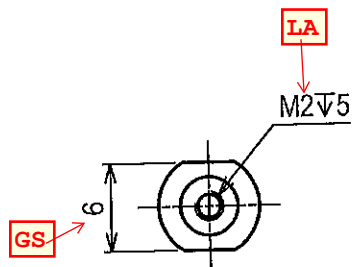


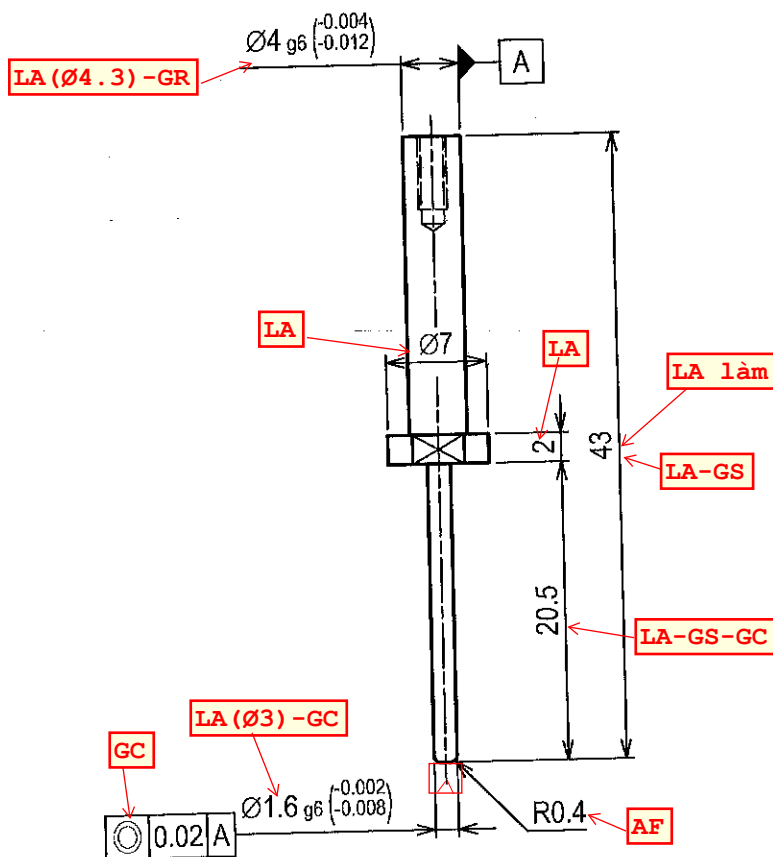
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWNG.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2017/06/25	新规设计	9317-17-053	Xu_Jin_Jian	Liang_Jian_Ling	$0.5 \leq \leq 6$ ± 0.1
	2018/04/04	材质变更		Xu_Jin_Jian	Liang_Jian_Ling	$6 < \leq 30$ ± 0.2
						$30 < \leq 120$ ± 0.3
						$120 < \leq 400$ ± 0.5
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-k
						FINISH MARKS



∇ Ra0.8

All unspecified corners: C0.5

AF



LA làm dài hơn 1 đầu và chống tâm

LA-GS

LA-GS-GC

LA (Ø3) -GC

GC

AF

DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Xu_Jin_Jian	Liang_Jian_Ling	部品図 PART DRAWING	ピン PIN
QUENCH&TEMPER	SURFACE	部品図 部品図	銷 销
HRC °~ °			
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
SUS303	2017/06/25	2:1	R105801

MANUCHI MOTOR CO.,LTD.

414 202 0292

SNO: **R105801**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SUS Ø7*53	LA:30 GR:30 GS:20 GC:40 AF:10 KT